TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. VŨNG TÀU **TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:122/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 18/9/2018
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU,
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Dương Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đắc Liệt

Ông Đặng Ngọc Thương

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Lan Hương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên toà: Bà Trần Hồng Gấm – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 426/2018/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2018 về việc "*Ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Cửu Ngọc D, sinh năm 1986;
Địa chỉ: Số 48A đường T, Phường 4, thành phố V, tỉnh V (có mặt).

Bị đơn: Ông Lê Hoài P, sinh năm 1982;
Địa chỉ: Số 48A đường T, Phường 4, thành phố V, tỉnh V (vắng mặt lần 2 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa nguyên đơn bà Cửu Ngọc D trình bày:

Bà và ông Lê Hoài P tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 8, thành phố Vũng Tàu vào ngày 22-01-2007. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến tháng 4-2014 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình, quan điểm sống trái ngược nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi cọ với nhau. Ngoài ra ông P còn có quan hệ với người phụ nữ khác ở bên ngoài, bà đã nhiều lần khuyên bảo và cho ông P cơ hội để thay đổi nhưng ông P vẫn tính nào tật nấy. Vì vậy, giữa năm 2014 bà đã làm đơn xin ly hôn với ông P nhưng sau đó vì thương

con còn nhỏ nên bà đã rút đơn để hàn gắn hạnh phúc gia đình. Sau khi bà rút đơn thì ông P vẫn tiếp tục có quan hệ với người phụ nữ khác khiến cho mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng nên bà tiếp tục làm đơn xin ly hôn với ông P. Thực tế từ tháng 3/2018 mặc dù sống chung một nhà nhưng hai vợ chồng đã sống ly thân với nhau. Nay bà xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Lê Hoài P.

Về con chung: Bà và ông P có 02 (hai) con chung là Lê Ngọc M, sinh ngày 10-9-2007 và Lê Hoài P, sinh ngày 29-01-2009. Bà D có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu M và cháu P; bà D không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Lê Hoài P mặc dù được Tòa án tống đạt hợp lệ giấy triệu tập, các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án làm việc, không có ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Hôn nhân của bà D và ông P là hôn nhân hợp pháp. Mâu thuẫn gia đình giữa bà D và ông P là trầm trọng nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà D. Về con chung: Bà D và ông P có 02 (hai) con chung là Lê Ngọc M, sinh ngày 10-9-2007 và Lê Hoài P, sinh ngày 29-01-2009. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà D, giao cho bà D được quyền nuôi dưỡng con chung là Lê Ngọc M và Lê Hoài P, bà D không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Bà Cửu Ngọc D yêu cầu ly hôn với ông Lê Hoài P có địa chỉ cư trú tại thành phố Vũng Tàu. Căn cứ Điều 28; Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự xác định đây là vụ án "Ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Lê Hoài P đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia giải quyết vụ án, triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông P là phù hợp quy định pháp luật.

[2]. Về nội dung:

Bà Cửu Ngọc D và ông Lê Hoài P tự nguyện tìm hiểu, chung sống có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên là hôn nhân hợp pháp.

Xét về tình trạng hôn nhân giữa bà D và ông P thì thấy: Theo bà D thì nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình, quan điểm sống trái ngược nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi cọ với nhau. Ngoài ra ông P còn có quan hệ với người phụ nữ khác ở bên ngoài, bà đã nhiều lần khuyên bảo và cho ông P cơ hội để thay đổi nhưng ông P vẫn tính nào tật nấy. Bà và ông P đã sống ly thân từ tháng 3/2018 đến nay. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng không còn sự quan tâm, chăm sóc đến nhau, không còn quan hệ vợ chồng.

Theo xác minh tại địa phương thì nguyên nhân mâu thuẫn giữa bà D và ông P là vấn đề gì thì tổ trưởng tổ dân phố không nắm được. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống vợ chồng có to tiếng cãi vã với nhau.

Tại phiên tòa, bà D xác định không còn tình nghĩa vợ chồng đối với ông P, hai bên đã sống ly thân từ tháng 3-2018 đến nay. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng không còn sự quan tâm, chăm sóc đến nhau.

Xét thấy, mâu thuẫn xảy ra trong quan hệ vợ chồng giữa bà D và ông P là có thật, vợ chồng cũng nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau, không có khả năng hàn gắn tình cảm. Do vậy, mâu thuẫn hôn nhân là trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà D là phù hợp

Về con chung: Bà Cửu Ngọc D và ông Lê Hoài P có 02 (hai) con chung là Lê Ngọc M, sinh ngày 10-9-2007 và Lê Hoài P, sinh ngày 29-01-2009. Cháu M và cháu P có nguyện vọng ở với mẹ. Bà D yêu cầu được nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con nên việc giao cháu M và cháu P cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Cửu Ngọc D phải chịu tiền án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 19; Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Cửu Ngọc D đối với ông Lê Hoài P.

1. Về hôn nhân: Bà Cửu Ngọc D ly hôn với ông Lê Hoài P.

2. Về con chung: Bà D và ông P có 02 (hai) con chung là Lê Ngọc M, sinh ngày 10-9-2007 và Lê Hoài P, sinh ngày 29-01-2009. Bà Cửu Ngọc D được quyền trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, bà D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Ông Lê Hoài P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trên cơ sở lợi ích của con, trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3.Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4.Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Cửu Ngọc D phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002026 ngày 09-5-2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Vũng Tàu. Bà D đã nộp đủ tiền án phí.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Toà án cấp trên xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND Tp. Vũng Tàu;
- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Chi cục THADS Tp. Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- UBND Phường 8, Tp. Vũng Tàu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Dương Thị Hương